TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 498/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 27 – 10 – 2017.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Bé Hai**.

2. Ông **Lê Thanh Vui**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Lan** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc Q**, sinh năm 1980; cư trú tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Anh **Cao Khắc M**, sinh năm 1983; cư trú tại ấp B, xã H, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Quyên trình bày:

Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị Nguyễn Ngọc Q và anh Cao Khắc M tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 16/08/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống được khoảng 09 tháng nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M tư riêng trong vấn đề tiền bạc không chăm lo đời sống kinh tế chung của gia đình dẫn đến thường xuyên cự cải

mất hạnh phúc. Mặc dù, vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được kết quả. Nên khoảng tháng 05/2017, anh M quay lại với vợ cũ đã ly hôn trước đây và sống ly thân với chị Q cho đến nay mà không trở về đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Q yêu cầu được ly hôn với anh M. Chị Q xác định giữa chị và anh M không có con, không có tài sản chung và không nợ chung ai nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Anh Cao Khắc M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt và không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh M đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Ngọc Q. Đủ cơ sở kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Xét tại phiên toà sơ thẩm, anh Cao Khắc M đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo thủ tục chung.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị Q và anh M là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị Q xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn về kinh tế xảy ra cự cải dẫn đến mất hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 05/2017 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Nên không có cơ sở để Tòa án xem xét quyền và lợi ích hợp pháp cho anh M theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào lời trình bày của chị Q và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận đời sống chung giữa chị Q và anh M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị Q và anh M.

[4]. *Các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Xét lời trình bày của chị Q xác định, chị Q và anh M không có con chung, không có tài sản chung và không nợ chung ai. Tất cả các vấn đề này, chị Q không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Xét trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án dân sự theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án. Do đó, chị Q phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc Q và anh Cao Khắc M.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Ngọc Q phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này chị Q được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0010246 ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Q, vắng mặt bị đơn anh Cao Khắc M. Báo cho chị Q có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh M vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;*
- *VKSND huyện Tam Bình: 02;*
- *Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;*
- *NĐ + BĐ: 02;*
- *UBND xã H: 01;*
- *Lưu hồ sơ vụ án: 01;*
- *Lưu án văn: 06.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(*Đã ký tên và đóng dấu*)

Cao Minh Tân